

Bản án số: 47/2023/DS-ST

Ngày: 15-6-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiệp;

Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện M tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc Đ, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Lâm Thị Bích L, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Ông Lê Thanh Đ1, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Đ trình bày:

Vào ngày 14/04/2022 và ngày 23/08/2022, bà L có nhờ bà Đ mượn dùm hai lần tiền, lần thứ nhất 15.000.000 đồng, lần thứ hai là 35.000.000 đồng (có biên nhận nợ kèm theo). Tổng cộng 02 lần mượn là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Trong thời gian mượn bà L nói mượn tạm từ 01 đến 02 tháng, nhưng đến nay gần 01 năm bà Đ đòi lại số tiền nợ nhưng bà L chưa trả. Trong quá trình vay tiền bà L có trả cho bà Đ được số tiền lãi là 6.000.000 đồng. Nay bà Đ đồng ý trừ số tiền lãi 6.000.000 đồng vào nợ gốc cho bà L và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lâm Thị Bích L và ông Lê Thanh Đ1 trả số tiền nợ gốc còn lại là 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/5/2023, bà Lâm Thị Bích L trình bày:*

Bà có vay của bà Lê Thị Ngọc Đ tổng số tiền là 50.000.000 đồng cụ thể như sau: Vào ngày 14/02/2022 vay 15.000.000 đồng và vào ngày 23/8/2022 vay 35.000.000 đồng. Khi vay không thỏa thuận thời gian trả, khi nào có tiền thì bà trả. Bà vay tiền làm vốn mua bán nước đá xay, bia, nước ngọt của hai vợ chồng bà và ông Đ1. Khi vay thỏa thuận lãi 07 lai, tức là 1.000.000 đồng tiền gốc thì trả lãi là 70.000 đồng. Từ ngày vay đến nay bà có đóng lãi cho bà Đ được 6.000.000 đồng. Hiện nay hoàn cảnh gia đình bà khó khăn bà xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, trả liên tiếp đến khi hết nợ. Đối với số tiền lãi 6.000.000 đồng mà bà đã trả cho bà Đ thì bà yêu cầu trừ vào tiền gốc. Sau khi trừ tiền lãi đã đóng vào tiền nợ gốc thì bà đồng ý trả cho bà Đ số tiền gốc còn lại là 44.000.000 đồng. Bà và ông Đ1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 2006 tại UBND xã T.

- *Đối với bị đơn ông Lê Thanh Đ1:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt, không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

- *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Bị đơn ông Đ1 chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật do vắng mặt không có lý do.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Lâm Thị Bích L và ông Lê Thanh Đ1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Ngọc Đ số tiền nợ gốc là 44.000.000 đồng.

Đề nghị tuyên trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ, án phí và quyền kháng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn bà Lâm Thị Bích L và ông Lê Thanh Đ1: Bà Lâm Thị Bích L và ông Lê Thanh Đ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Đ1 vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3

Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông Đ1.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Đ: Bà Lê Thị Ngọc Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L ông Đ1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đ số tiền nợ gốc 44.000.000 đồng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/5/2023, bà L cũng thừa nhận có vay của bà Đ số tiền 50.000.000 đồng là đúng và đến nay chưa trả và bà L thống nhất trả số tiền nợ gốc còn lại là 44.000.000 đồng cho bà Đ. Đối với ông Lê Thanh Đ1, ông Đ1 đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến phản đối và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì lời trình bày của bà Đ và chứng cứ là “Biên nhận” đề ngày 14/02/2022 và “Biên nhận” đề ngày 23/8/2022 là có căn cứ và bà Đ không phải chứng minh. Bà L vay tiền của bà Đ lần cuối cùng từ ngày 23/08/2022, theo biên nhận không thỏa thuận thời gian trả. Tuy nhiên, bà Đ đã nhiều lần yêu cầu bà L trả số tiền nhưng bà L vẫn chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, buộc bà L và ông Đại liên đới trả cho bà Đ số tiền nợ gốc là 44.000.000 đồng.

[3] Xét ý kiến của bà L xin trả dần số nợ, mỗi lần 2.000.000 đồng nhưng bà Đ không đồng ý nên ý kiến xin trả dần của bà L không có cơ sở chấp nhận.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến thời điểm xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn bà L ông Đ1 có nghĩa vụ trả tiền nên phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.200.000 đồng (tương ứng với 5% phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Đ không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Đ đối với bị đơn bà Lâm Thị Bích L, ông Lê Thanh Đ1.

Buộc bà Lâm Thị Bích L và ông Lê Thanh Đ1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Ngọc Đ số tiền nợ gốc 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Lâm Thị Bích L và ông Lê Thanh Đ1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.200.000 đồng (Hai triệu hai trăm nghìn đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Đ không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí là 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007445 ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

4. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mến